TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang:không tham gia phiên toà:*

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm2019 về việc *" Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019 ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T sinh năm: 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn : Anh Thái Văn L, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/04/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Thái Văn L chung sống với nhau vào năm 1992, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên GianG vào ngày 25 tháng 10 năm 2002 theo số 375, quyển số 01/2002. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 03 tháng, mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hay cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh L ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Thị Thu T, sinh ngày 29 tháng 02 năm 1993 có gia đình và sống riêng. Đối với Thái Thanh H, sinh ngày 18/01/2001, hiện nay con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn L.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho anh Thái Văn L tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh L không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Thái Văn L đang cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Thái Văn L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Thái Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyên, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25 tháng 10 năm 2012, theo số 375, quyển số 01/2002 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T thấy rằng sau khi kết hôn, chị T và anh L chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Chị T và anh L đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, điều này

chứng tỏa tình trạng hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghiã vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,….".

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để Tòa án động viên anh chị quay về đoàn tụ tiếp tục cuộc sống hôn nhân và nuôi dạy con chung nhưng anh L điều vắng mặt không có lý do. Đều này chứng tỏa anh L bỏ mặc không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T nữa.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.

[4]Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có hai con chung tên Thái Thị Thu T, sinh ngày 29 tháng 02 năm 1993 có gia đình và sống riêng. Đối với Thái Thanh H, sinh ngày 18/01/2001, hiện nay con đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T.

2.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thái Văn L.

3. Về quan hệ con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:0005479 ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thái Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
-THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ